

Số: 14/2025/TT-BTP

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về nguyên tắc, đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng; trách nhiệm đề nghị, trình hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”; hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng; trao tặng; mức tiền thưởng; thủ tục hủy bỏ quyết định tặng, thu hồi, cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cá nhân được xét tặng; các cơ quan, tổ chức đề nghị xét tặng, trao tặng; các cơ quan, tổ chức khác liên quan đến việc xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”.

Điều 2. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” (sau đây gọi là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Bộ trưởng Bộ Tư pháp nhằm ghi nhận, động viên đối với cá nhân có công lao đóng góp vào quá trình phát triển của ngành Tư pháp.

2. Hiện vật khen thưởng gồm Bằng, Kỷ niệm chương và hộp đựng Kỷ niệm chương. Mẫu hiện vật khen thưởng thực hiện theo quy định.

Điều 3. Nguyên tắc xét, trao tặng Kỷ niệm chương

1. Việc xét tặng Kỷ niệm chương được tiến hành hằng năm vào dịp kỷ niệm Ngày truyền thống ngành Tư pháp Việt Nam hoặc xét tặng đột xuất theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
2. Việc xét tặng Kỷ niệm chương phải đảm bảo công khai, dân chủ, khách quan, công bằng, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật và đúng đối tượng, tiêu chuẩn quy định tại Thông tư này.
3. Kỷ niệm chương chỉ tặng một lần cho cá nhân.
4. Việc tổ chức trao tặng Kỷ niệm chương phải đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, hiệu quả, không phô trương, hình thức.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

Điều 4. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đã hoặc đang công tác trong ngành Tư pháp

1. Bộ trưởng, Thứ trưởng Bộ Tư pháp; nguyên Bộ trưởng, Thứ trưởng Bộ Tư pháp.
2. Lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố:
 - a) Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp được bổ nhiệm là người đứng đầu của đơn vị thuộc Bộ, cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Bộ, Sở Tư pháp, Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố có tổng thời gian giữ chức vụ từ đủ 05 năm trở lên đối với nam, từ đủ 03 năm trở lên đối với nữ; được bổ nhiệm giữ chức vụ cấp phó của người đứng đầu có tổng thời gian giữ chức vụ từ đủ 08 năm trở lên đối với nam, từ đủ 06 năm trở lên đối với nữ và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian là điều kiện để xét tặng.
 - b) Trường hợp cá nhân công tác tại các ngành khác được điều động về ngành Tư pháp để bổ nhiệm là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu của đơn vị thuộc Bộ, cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Bộ, Sở Tư pháp, Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố có tổng thời gian giữ chức vụ cấp trưởng trong ngành Tư pháp từ đủ 06 năm trở lên đối với nam, từ đủ 04 năm trở lên đối với nữ; có tổng thời gian giữ chức vụ cấp phó trong ngành Tư pháp từ đủ 09 năm trở lên đối với nam, từ đủ 07 năm trở lên đối với nữ và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian là điều kiện để xét tặng.

c) Trường hợp cá nhân có thời gian giữ chức vụ cấp trưởng theo quy định tại điểm a, điểm b Điều này nhưng không đủ thời gian để đề nghị xét tặng theo tiêu chuẩn quy định đối với chức vụ đó thì được cộng với thời gian giữ chức vụ cấp phó để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo chức vụ cấp phó.

3. Cá nhân công tác tại các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố và Công chức Tư pháp - Hộ tịch được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có tổng thời gian công tác từ đủ 20 năm trở lên đối với nam, từ đủ 15 năm trở lên đối với nữ và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian là điều kiện để xét tặng.

4. Cá nhân công tác trong các ngành, tổ chức khác chuyển về ngành Tư pháp hoặc từ ngành Tư pháp chuyển sang các ngành, tổ chức khác được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có tổng thời gian công tác từ đủ 25 năm trở lên đối với nam, từ đủ 20 năm trở lên đối với nữ, trong đó có tổng thời gian công tác trong ngành Tư pháp từ đủ 12 năm trở lên và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian là điều kiện để xét tặng.

5. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp tính đến thời điểm nghỉ hưu nếu thời gian là điều kiện xét tặng còn thiếu dưới 12 tháng so với quy định thì được xem xét tặng Kỷ niệm chương trước khi nghỉ hưu.

Điều 5. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đang làm công tác tư pháp

1. Cá nhân trực tiếp làm công tác pháp chế thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, ngành ở Trung ương; Giám định viên tư pháp; cá nhân trực tiếp làm công tác thi hành án dân sự trong Quân đội được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có tổng thời gian làm công tác tư pháp từ đủ 22 năm trở lên đối với nam, từ đủ 17 năm trở lên đối với nữ và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian là điều kiện để xét tặng.

2. Cá nhân là luật sư; công chứng viên làm việc tại các Văn phòng công chứng; Đấu giá viên làm việc các doanh nghiệp đấu giá tài sản; Thừa phát lại; Quản tài viên; Trọng tài viên; Hoà giải viên thương mại được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có tổng thời gian hoạt động hoặc hành nghề từ đủ 22 năm trở lên đối với nam, từ đủ 17 năm trở lên đối với nữ.

Điều 6. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân khác có công lao đóng góp cho sự phát triển của ngành Tư pháp

1. Cá nhân giữ chức vụ lãnh đạo có công lao đóng góp cho sự phát triển của ngành Tư pháp được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương:

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các Ban Đảng Trung ương, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; thành viên Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thường trực của các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

b) Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố.

2. Cá nhân là thành viên Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh có thời gian trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp từ đủ 07 năm liên tục trở lên đối với cấp trưởng là nam, từ đủ 05 năm liên tục trở lên đối với cấp trưởng là nữ; từ đủ 10 năm liên tục trở lên đối với cấp phó là nam, từ đủ 08 năm liên tục trở lên đối với cấp phó là nữ.

3. Cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài, người Việt Nam ở trong nước nhưng đang làm việc cho các cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế tại Việt Nam; người nước ngoài được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có công lao, thành tích xuất sắc trong việc xây dựng và củng cố mối quan hệ hợp tác giữa các nước, các cơ quan, tổ chức đó với Bộ Tư pháp, đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tư pháp.

4. Các trường hợp khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 7. Các trường hợp chưa được xét tặng, không được xét tặng Kỷ niệm chương

1. Chưa đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu đang được xác minh làm rõ.

2. Thời gian thi hành kỷ luật; thời gian công tác được đánh giá dưới mức hoàn thành tốt nhiệm vụ không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

3. Cá nhân quy định tại Điều 4, Điều 5 và khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Thông tư này không được xét tặng Kỷ niệm chương khi thuộc một trong các trường hợp bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc, bị khai trừ khỏi Đảng.

Chương III

TRÁCH NHIỆM ĐỀ NGHỊ, TRÌNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG; HỒ SƠ, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG; TRAO TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG; HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG, THU HỒI, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Điều 8. Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương

Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc rà soát, thẩm định hồ sơ từ các cơ quan, đơn vị trình và hồ sơ của các cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 4 Điều 6 Thông tư này; cá nhân nguyên là lãnh đạo của các đơn vị thuộc Bộ đã nghỉ hưu đủ tiêu chuẩn nhưng chưa được xét tặng để đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng Kỷ niệm chương.

Điều 9. Trình hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Bộ có trách nhiệm trình hồ sơ của cá nhân đã hoặc đang công tác tại cơ quan, đơn vị, trừ lãnh đạo cơ quan, đơn vị đã nghỉ hưu; cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 6 của Thông tư này đủ tiêu chuẩn theo quy định; cho ý kiến đối với cá nhân được đề nghị xét tặng thuộc lĩnh vực được giao tham mưu, quản lý, theo dõi.

2. Cục trưởng Cục Quản lý thi hành án dân sự có trách nhiệm trình hồ sơ của cá nhân đã hoặc đang công tác trong hệ thống Thi hành án dân sự và cá nhân có công lao, đóng góp cho công tác thi hành án dân sự thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 6 của Thông tư này đủ tiêu chuẩn theo quy định.

3. Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế có trách nhiệm trình hồ sơ của cá nhân quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này đủ tiêu chuẩn theo quy định.

4. Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố có trách nhiệm trình hồ sơ của cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định cho các trường hợp:

a) Cá nhân đã hoặc đang công tác tại Sở Tư pháp; công chức Tư pháp - Hộ tịch thuộc địa bàn tỉnh, thành phố.

b) Cá nhân trực tiếp làm công tác pháp chế tại cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Giám định viên tư pháp; cá nhân thuộc khoản 2 Điều 5 Thông tư này trên cơ sở đề nghị của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có cá nhân được đề nghị xét tặng.

c) Cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 6 Thông tư này.

5. Thủ trưởng các tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, doanh nghiệp nhà nước thuộc các bộ, ngành ở Trung ương phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý đủ tiêu chuẩn theo quy định.

Điều 10. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Tờ trình và danh sách các cá nhân đề nghị;

b) Bản trích ngang tóm tắt quá trình công tác; thành tích, công lao đóng góp của các cá nhân đề nghị.

2. Các cơ quan, đơn vị gửi 01 bộ (bản chính) của hồ sơ đề nghị xét tặng về Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tư pháp, đồng thời gửi các tệp tin điện tử của hồ sơ, trừ thông tin có nội dung bí mật nhà nước đến hộp thư điện tử của Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tư pháp: thidukhenthuong@moj.gov.vn.

3. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị xét tặng:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đơn vị thuộc Bộ, cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố gửi hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương về Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tư pháp trước ngày 01 tháng 6 hằng năm.

b) Đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 6 Thông tư này, các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng khi các cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

4. Thời gian tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trình xét tặng:

a) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo quy định, Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tư pháp có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, trình Bộ trưởng.

b) Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục khen thưởng, Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tư pháp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho đơn vị trình trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét khen thưởng, Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tư pháp hoàn thành các thủ tục theo quy định để trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 11. Trao tặng Kỷ niệm chương

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng Kỷ niệm chương theo quy định về nghi thức trao tặng hình thức khen thưởng này.

2. Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc tổ chức trao tặng Kỷ niệm chương đối với các trường hợp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp trực tiếp trao tặng.

Điều 12. Mức tiền thưởng Kỷ niệm chương

1. Cá nhân được tặng Kỷ niệm chương được nhận hiện vật khen thưởng, khung và kèm theo mức tiền thưởng bằng 0,4 lần mức lương cơ sở.

2. Cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân người nước ngoài được tặng Kỷ niệm chương được nhận hiện vật khen thưởng, khung và kèm theo tặng phẩm lưu niệm có giá trị tương đương mức tiền thưởng bằng 0,4 lần mức lương cơ sở.

Điều 13. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng Kỷ niệm chương; thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng; hồ sơ, thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng

1. Cá nhân có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bị hủy bỏ quyết định tặng Kỷ niệm chương và bị thu hồi hiện vật khen thưởng, tiền thưởng đã nhận.

2. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng Kỷ niệm chương, thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng; thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2025. Thông tư số 06/2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ, cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Bộ, Sở Tư pháp, Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ; Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐ Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Công báo;
- Bộ trưởng; Thứ trưởng Bộ Tư pháp;
- Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương, Bộ Nội vụ;
- Các đơn vị, tổ chức thuộc, trực thuộc Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp, THADS các tỉnh, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCCB (TĐKT).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Tịnh